

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN V  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HS-ST

Ngày: 10-3-2021.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Văn Quân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Phi Thường.

Ông Đoàn Quyết Tiến.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thanh Thảo - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2021/TLST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST - HS ngày 25 tháng 02 năm 2021, đối với các bị cáo:

**1. Lương Thị Thanh H;** sinh ngày 30-4-2002; tại Nam Định.

Nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn L, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Duy Đ và bà Phạm Thị Đ; hiện đã chung sống như vợ, chồng với anh Vũ Văn C; sinh năm 2000; trú tại: Xóm C, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định và có 01 con chung; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 15/LC ngày 16-9-2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V và Lệnh số 01/2021/HSST-LCĐKNCT ngày 12-01-2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định (Có mặt).

**2. Hoàng Thị Tuyết N;** sinh năm 2001; tại Nam Định.

Nơi ĐKKHKT và cư trú: Xóm T, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Như H và bà Bùi Thị T; có chồng là Ngô Minh H; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17-9-2020 cho đến nay (Có mặt).

**- Bị hại:** Chị Trần Thị Hải Y; sinh ngày 17-4-2002; trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt).

**- Người làm chứng:**

+ Anh Vũ Văn C; sinh năm 2000 (Vắng mặt).

+ Chị Trần Thị D; sinh ngày 14-7-2002 (Vắng mặt).

- + Anh Nguyễn Xuân H; sinh năm 1993 (Vắng mặt).
- + Chị Trần Thị N; sinh năm 1981 (Vắng mặt).
- + Cháu Trần Đình T; sinh ngày 12-02-2005 (Vắng mặt).
- Người đại diện hợp pháp của cháu T là: Chị Trần Thị N; sinh năm 1981 (Vắng mặt).
- + Anh Phạm Hồng L; sinh năm 2000 (Vắng mặt).
- + Anh Nguyễn Duy K (Tên gọi khác là Nguyễn Minh K); sinh năm 2002 (Vắng mặt).
- + Chị Vũ Hoài Đài T; sinh năm 2001 (Vắng mặt).
- + Cháu Phạm Văn T; sinh ngày 14-10-2005 (Vắng mặt).
- Người đại diện hợp pháp của cháu T là: Chị Trần Thị N; sinh năm 1981 (Vắng mặt).
- + Anh Nguyễn Đăng P; sinh năm 1991 (Vắng mặt).
- + Anh Phạm Đình H; sinh năm 2000 (Vắng mặt).
- + Anh Trần Văn T; sinh năm 2000 (Vắng mặt).
- + Cháu Mai Đức C (Tên gọi khác C); sinh ngày 28-7-2003 (Vắng mặt).
- Người đại diện hợp pháp của cháu C là: Anh Mai Xuân Q; sinh năm 1979 (Vắng mặt).
- + Ông Ngô Minh K; sinh năm 1967 (Có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các bị cáo Lương Thị Thanh H, Hoàng Thị Tuyết N và chị Trần Thị Hải Y; sinh năm 2002; trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định là bạn bè chơi cùng với nhau. Ngày 25-6-2020 chị Y có vay của anh Vũ Văn C; sinh năm 2000; trú tại: Xóm C, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định, số tiền là 5.000.000đ, lãi suất là 5.000đ/01 triệu/01 ngày, thời hạn vay là 01 tháng (Anh C là người chung sống như vợ, chồng với bị cáo H). Quá trình vay chị Y đã trả được cho anh C số tiền lãi là 1.500.000đ và còn nợ số tiền gốc là 5.000.000đ (Về nguồn gốc của số tiền mà anh C cho chị Y vay là tiền anh C vay của anh Trần Anh T; sinh năm 2001; trú tại: Xóm C, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định). Đến khoảng tháng 8-2020 anh T có nhắn tin cho chị Y yêu cầu chị Y phải trả trực tiếp cho anh T số tiền gốc mà chị Y đã vay của anh C và ngày 25-8-2020 chị Y đã trả cho anh T toàn bộ số tiền gốc mà chị Y đã vay từ anh C (Chị Y trả tiền cho anh T thông qua anh Nguyễn Xuân H; sinh năm 1993; trú tại: Xóm P, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định). Nhưng anh C lại không đồng ý với việc chị Y trả nợ số tiền gốc mà chị Y đã vay từ mình cho anh T mà anh C vẫn yêu cầu chị Y phải trả nợ số tiền gốc trực tiếp cho anh C. Do biết được việc chị Y còn nợ tiền của anh C nên ngày 26-8-2020 bị cáo Lương Thị Thanh H đã nhắn tin cho chị Y để hẹn gặp nói chuyện về việc chị Y nợ tiền của anh C, nhưng chị Y không trả lời tin nhắn của bị cáo H và bị cáo H đã nhờ bị cáo N nhắn tin hộ để hẹn gặp chị Y. Sau khi bị cáo N và chị Y thống nhất địa điểm gặp nhau thì anh C và các bị cáo H, N đã đến gặp chị Y tại khu vực hồ ở phía trước trụ sở UBND huyện V để nói chuyện về số tiền chị Y còn nợ của anh C nhưng chị Y không có tiền để trả thì các bị cáo H, N đã đưa chị Y đến khu

vực núi Ngã thuộc địa phận xã K, huyện V, tỉnh Nam Định và tại đây các bị cáo H, N đã đánh chị Y và yêu cầu chị Y phải trả tiền nợ cho anh C. Thấy chị Y bị đánh, anh Nguyễn Duy K (Tên gọi khác là Nguyễn Minh K); sinh năm 2002; trú tại: Thôn V, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định là bạn của chị Y đi cùng với chị Y đã xin cho chị Y để đến cuối tuần chị Y sẽ trả tiền lãi trước và xin cho chị Y về thì các bị cáo mới cho chị Y về.

Xuất phát từ việc chị Y nợ tiền của anh C nêu trên và xuất phát từ mâu thuẫn cá nhân trước đó giữa các bị cáo H, N với chị Y về việc chị Y nói xấu các bị cáo với người khác nên sáng ngày 31-8-2020, bị cáo H đã rủ bị cáo N đi tìm chị Y để đòi tiền chị Y nợ của anh C và giải quyết mâu thuẫn cá nhân. Sau khi bị cáo H rủ, bị cáo N đã điều khiển xe mô tô SH màu trắng đi đến chỗ ở của bị cáo H để đón bị cáo H (Chiếc xe mô tô SH này bị cáo N khai mượn của bạn tên là Đặng Thu T; sinh năm 2001; trú tại: Trần Khắc Chân, thành phố Hà Nội, nhưng bị cáo không nhớ biển kiểm soát cụ thể như thế nào). Đến khoảng 8 giờ cùng, sau khi các bị cáo biết được chị Y đang ở nhà anh Nguyễn Duy K (Tên gọi khác là Nguyễn Minh K); sinh năm 2002 ở thôn V, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định thì bị cáo đã điều khiển xe mô tô SH màu trắng chở bị cáo H đi đến nhà anh K để tìm chị Y. Sau khi gặp chị Y các bị cáo đã yêu cầu chị Y phải trả số tiền chị Y còn nợ của anh C, nhưng chị Y không có tiền để trả cho các bị cáo thì bị cáo N đã dùng tay trái tát 02 cái vào má bên phải của chị Y và chửi “Mày luyên thuyên”, thấy vậy bị cáo H cũng dùng tay tát 01 cái vào mặt chị Y. Thấy chị Y bị đánh anh K đã xin các bị cáo không đánh chị Y nữa thì các bị cáo đã bắt chị Y phải đi theo mình, nhưng chị Y không đi. Trong lúc các bị cáo bắt chị Y đi theo thì do cần tiền để đổ xăng, bị cáo N đã gọi điện thoại cho bạn là anh Phạm Đình H; sinh năm 2000; trú tại thôn Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định đến nhà anh K để vay số tiền 50.000 đồng của anh H đổ xăng rồi bị cáo H tiếp tục dùng tay tóm tóc chị Y lôi chị Y ra ngoài đường và bắt chị Y phải ngồi lên xe mô tô. Chị Y sợ hãi bị các bị cáo đánh tiếp nên đã miễn cưỡng ngồi lên xe mô tô của các bị cáo và bị cáo N điều khiển xe mô tô chở chị Y ngồi ở giữa, bị cáo H ngồi ở phía sau ôm chị Y đi về nhà người quen của các bị cáo là cháu Trần Đình T; sinh ngày 12-02-2005 ở xóm T, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định (Cháu T là con đẻ của chị Trần Thị N; sinh năm 1981; trú tại: Xóm T, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định). Tại đây các bị cáo đã giữ chị Y tại phòng ngủ của cháu T ở trên tầng 2. Trong quá trình giữ chị Y các bị cáo tiếp tục đánh chị Y và bắt chị Y phải trả nợ số tiền chị Y còn nợ của anh C là 6.500.000 đồng. Bị cáo H dùng hai tay tát nhiều cái vào mặt của chị Y và cắn vào ngón tay cái của chị Y. Bị cáo N dùng tay tát 4 đến 5 cái vào mặt của chị Y và dùng chân đạp vào bụng của chị Y làm cho chị Y bị thâm tím ở 2 mắt. Sau đó các bị cáo đã dùng chiếc kéo bằng sắt có sẵn ở trên mặt tủ trong phòng của cháu T cắt tóc của chị Y, không dừng lại ở việc cắt tóc, bị cáo H còn dùng kéo cắt và xé hết quần áo của chị Y đang mặc ở trên người. Khi chị Y đang trong trạng thái không mặc quần áo thì bị cáo N đã dùng điện thoại di động Iphone 11 Promax của mình chụp lại hình ảnh đó của chị Y, sau đó gửi hình ảnh của chị Y vừa chụp được qua hệ thống Messenger vào điện thoại di động Iphone 6 của bị cáo H và gửi cho một người có nick là “Thành Phú” và một người có nick là “Trọng Thủy” (Những người này đều là bạn bè của bị cáo N quen trên mạng xã hội, bị cáo N không biết được tên tuổi địa chỉ cụ thể mà chỉ biết được

những người này ở xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định). Trong quá trình bắt, giữ, đánh, cắt tóc, cắt xé quần áo, chụp ảnh chị Y nêu trên thì các bị cáo liên tục yêu cầu chị Y phải trả số tiền mà chị Y còn nợ của anh C. Do biết được việc anh C đang đi tìm chị Y để đòi nợ nên các bị cáo đã gọi điện cho C đến nhà cháu T để gặp chị Y đòi tiền nợ. Khi đi anh C có nhờ anh Trần Văn T; sinh năm 2000; trú tại: Xóm C, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định điều khiển xe mô tô chở anh C đến nhà cháu T. Khi gặp chị Y, anh C đã yêu cầu chị Y phải trả số tiền mà chị Y còn nợ của anh C là 6.500.000đ, nhưng chị Y không có tiền để trả nên chị Y đã hẹn với anh C đến cuối ngày sẽ trả cho anh C số tiền lãi là 1.500.000đ, còn số tiền gốc thì khi nào có tiền sẽ trả sau. Do bức tức với việc chị Y hẹn nhiều lần nhưng không trả nên anh C đã dùng dép nhựa tát 01 cái vào má của chị Y nhưng không gây ra thương tích gì và nói “Hẹn chiều thì chuẩn vào”. Sau đó anh C gọi bạn là anh Phạm Hồng L; sinh năm 2000; trú tại: Xóm C, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định đến đón anh C về, còn anh T thì ở lại về sau, vì lý do anh T còn phải đi giao hàng cho khách. Trước khi về anh C có nói với các bị cáo là không được đánh chị Y nữa. Nhưng sau khi anh C về thì các bị cáo lại tiếp tục giữ chị Y ở trong phòng và tiếp tục dùng tay chân đánh chị Y, bị cáo N còn dùng cả cán chổi gạt nước vục vào tay của chị Y và vẫn bắt chị Y phải trả tiền nợ cho anh C. Anh T thấy chị Y bị các bị cáo đánh nên có can ngăn thì bị bị cáo N chửi và đuổi về nên anh T đã bỏ về. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, bị cáo N có gọi điện thoại cho bạn là chị Trần Thị D; sinh ngày 14-7- 2002; hiện đang trú tại thị trấn G, huyện V đến để giải quyết việc chị Y nói xấu chị D và bị cáo còn gửi cả hình ảnh của chị Y không mặc quần áo trên người cho chị D xem. Khi chị D đến chị D có hỏi chị Y “Con kia mày nói tao cái gì” nhưng chị Y không trả lời nên chị D đã dùng tay tát vào mặt chị Y và dùng chân đạp vào bụng chị Y nhưng không gây ra thương tích gì rồi chị D đi về. Ngoài ra trong quá trình giữ chị Y và bắt chị Y phải trả tiền cho anh C thì các bị cáo còn dọa chị Y nếu không có tiền trả thì sẽ đưa chị Y xuống xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định để làm nhân viên phục vụ tại các quán hát Karaoke và bị cáo N còn bàn với bị cáo H là bắt chị Y phải trả trước số tiền lãi là 1.500.000đ. Do sợ hãi các bị cáo đánh đập tiếp nên chị Y đã phải nhắn tin cho bạn là anh Mai Đức C (Tên gọi khác là C); sinh năm 2003; trú tại: Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định để vay của anh C số tiền 1.500.000đ để trả cho các bị cáo và anh C đã nhờ anh Nguyễn Đăng P; sinh năm 1991; trú tại: Thôn L, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định đem tiền xuống cho chị Y. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày khi anh P đem tiền xuống khu vực Phố S, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định thì lúc này bị cáo N đã lấy ở trong tủ quần áo của cháu Trần Đình T 01 cái áo phông cộc tay vải màu vàng có chữ AHOKZAK (HugoBoss) và 01 cái quần đùi vải màu đen có chữ AHOKZAK (HugoBoss) đưa cho chị Y mặc và bị cáo H đã nhờ anh Phạm Văn T; sinh năm 2005; trú tại: Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định điều khiển xe đạp điện chở bị cáo H và chị Y ra quán nước ở khu vực phố S, xã L để lấy tiền. Tại đây, anh P đã đưa cho chị Y số tiền 1.500.000đ và chị Y đã đưa luôn số tiền đó cho bị cáo H. Sau khi chiếm đoạt được số tiền của chị Y bị cáo H đã một mình tiêu xài cá nhân hết rồi bị cáo mới thông báo cho bị cáo N và anh C biết việc bị cáo đã lấy được của chị Y số tiền 1.500.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã thu giữ các vật chứng gồm:

- Thu tại hiện trường 01 quần lót vải màu đỏ; 01 quần đùi vải bò màu xanh; 01 áo phông cộc tay vải màu trắng; 01 áo lót vải màu đen (Tất cả quần, áo đều đã bị rách); 01 kéo bằng sắt có đầu nhọn, chuôi kéo bọc nhựa màu đỏ và nhiều sợi tóc màu nâu đen, được niêm phong trong 02 phong bì thư.

- Thu giữ của bị cáo H 01 điện thoại di động Iphone 6, màu vàng, đen số Imel 355789070213177, màn hình đã bị vỡ lộ camera và số tiền 1.500.000đ.

- Thu giữ của bị cáo N 01 điện thoại di động Iphone 11 Promax, màu đen xanh, số Imel 353909108840047.

- Thu giữ của chị Y 01 áo phông vải màu vàng có chữ AHOKZAK (HugoBoss) và 01 quần đùi vải màu đen có chữ AHOKZAK (HugoBoss).

- Thu tại phòng của cháu T 01 chổi gạt nước, có cán bằng ống sắt Inox, KT 124 cm x đường kính ống 2,5 cm, lưỡi chổi KT 56 cm x 5 cm.

*Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V:*

- Các bị cáo Lương Thị Thanh H, Hoàng Thị Tuyết N đã thành khẩn khai nhận về toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung đã nêu trên. Người bị hại và những người làm chứng cũng khai báo về hành vi phạm tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Chị Trần Thị Hải Y yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tổng số tiền là 71.150.000đ, gồm các khoản: Tiền khám và điều trị vết thương là 900.000đ; tiền quần áo là 250.000đ; tiền tổn hại về sức khỏe và tinh thần là 70.000.000đ. Nhưng bị cáo H chỉ đồng ý bồi thường cho chị Y khoản tiền khám, điều trị vết thương và khoản tiền quần áo, còn khoản tiền tổn hại về sức khỏe và tinh thần thì khi nào Tòa án xét xử buộc bị cáo phải bồi thường bao nhiêu thì bị cáo sẽ bồi thường bấy nhiêu. Đối với bị cáo N đang bị tạm giam nhưng bị cáo không có ủy quyền cho ai để giải quyết việc bồi thường nhưng khi nào Tòa án xét xử buộc bị cáo phải bồi thường bao nhiêu tiền thì bị cáo sẽ có trách nhiệm bồi thường cho chị Y bấy nhiêu. Đối với hành vi đánh chị Y của anh Vũ Văn C và chị Trần Thị D thì chị Y không yêu cầu phải bồi thường gì, vì không gây ra thương tích gì cho chị.

Cáo trạng số 02/CT-VKSVB ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định đã truy tố các bị cáo Lương Thị Thanh H, Hoàng Thị Tuyết N về các tội “Làm nhục người khác” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Hình sự; “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự và “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, ngày 19-01-2021 bị cáo N đã ủy quyền cho ông Ngô Minh K là bố chồng của mình để giải quyết việc bồi thường trong vụ án. Ngày 28-01-2021 chị Y đã cùng với bị cáo H và ông K thỏa thuận với nhau về việc bồi thường và chị Y chỉ yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho mình tổng tất cả các khoản là 40.000.000đ, đồng thời chị Y đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và cùng ngày bị cáo H đã tự nguyện bồi thường cho chị Y số tiền là 25.000.000đ, ông K đã tự nguyện bồi thường cho chị Y số tiền là 15.000.000đ. Chị Y đã nhận đủ số tiền bồi thường nêu trên và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm.

*Tại phiên tòa:*

- Các bị cáo Lương Thị Thanh H, Hoàng Thị Tuyết N đã thành khẩn khai báo về toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung đã nêu trên và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân và xin được giảm nhẹ một phần hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V thực hành quyền công tố. Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ buộc tội đối với các bị cáo và đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, động cơ mục đích phạm tội của các bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lương Thị Thanh H, Hoàng Thị Tuyết N phạm các tội “Làm nhục người khác”; “Bắt, giữ người trái pháp luật” và “Cướp tài sản”.

- Về điều luật áp dụng và hình phạt:

+ Căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 155; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lương Thị Thanh H từ 03 tháng đến 05 tháng tù về tội “Làm nhục người khác”;

+ Căn cứ vào khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lương Thị Thanh H từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

+ Căn cứ vào khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lương Thị Thanh H từ 36 tháng đến 39 tháng tù về tội “Cướp tài sản”.

+ Căn cứ vào Điều 55 của Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt chung của cả 03 tội. Buộc bị cáo Lương Thị Thanh H phải chấp hành hình phạt chung của cả 03 tội từ 45 tháng tù đến 53 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

+ Căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 155; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Tuyết N từ 03 tháng đến 05 tháng tù về tội “Làm nhục người khác”;

+ Căn cứ vào khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Tuyết N từ 03 tháng đến 05 tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

+ Căn cứ vào khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Tuyết N từ 30 tháng đến 33 tháng tù về tội “Cướp tài sản”.

+ Căn cứ vào Điều 55 của Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt chung của cả 03 tội. Buộc bị cáo Hoàng Thị Tuyết N phải chấp hành hình phạt chung của cả 03 tội từ 36 tháng tù đến 43 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17-9-2020.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Tịch thu bán hóa giá sung vào ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động Iphone 11 Promax, màu đen xanh, số Imel 353909108840047 và 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6, màu vàng đen, số Imel 355789070213177, màn hình đã bị vỡ lộ camera.

+ Tịch thu tiêu hủy nhiều sợi tóc màu nâu đen được niêm phong trong 02 phong bì thư; 01 quần lót vải màu đỏ; 01 quần đùi vải bò màu xanh; 01 áo phông cộc tay vải màu trắng; 01 áo lót vải màu đen (Tất cả quần, áo đều đã bị rách); 01 kéo bằng sắt có đầu nhọn, chuôi kéo bọc nhựa màu đỏ; 01 chổi gạt nước, có cán bằng ống sắt Inox, KT 124 cm x đường kính ống 2,5 cm, lưỡi chổi KT 56 cm x 5 cm; 01 áo phông vải màu vàng có chữ AHOKZAK (HugoBoss); 01 quần đùi vải màu đen có chữ AHOKZAK (HugoBoss).

+ Trả cho chị Trần Thị Hải Y số tiền 1.500.000 đồng.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc các bị cáo Lương Thị Thanh H, Hoàng Thị Tuyết N phải nộp theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện V; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều là hợp pháp.

[2]. Về chứng cứ và tội danh đối với hành vi của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản khám nghiệm hiện trường; Sơ đồ hiện trường; Bản ảnh hiện trường; Vật chứng đã thu giữ; Lời khai của các bị cáo, của những người làm chứng tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V cũng như lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa. Nên đã có đủ căn cứ để kết luận: Sáng ngày 31-8-2020, tại nhà ở của anh Nguyễn Duy K ở thôn V, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định các bị cáo Lương Thị Thanh H, Hoàng Thị Tuyết N đã thực hiện hành vi đánh chị Trần Thị Hải Y để bắt chị Y phải trả nợ số tiền 6.500.000đ mà chị Y nợ của anh Vũ Văn C. Nhưng chị Y không có tiền để trả nên bị cáo H đã túm tóc chị Y lôi chị Y ra ngoài đường và bắt ép chị Y phải ngồi lên xe mô tô của các bị cáo rồi các bị cáo đã đưa chị Y về nhà ở của chị Trần Thị N ở xóm T, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định. Tại nhà ở của chị N các bị cáo đã giữ chị Y trong phòng ngủ của cháu Trần Đình T là con của chị N ở trên tầng 2. Trong quá trình giữ chị Y ở trong phòng của cháu T các bị cáo H, N tiếp tục thực hiện hành vi dùng cán chổi gạt nước, dùng tay, chân tát và đá vào mặt, vào người của chị Y và còn dùng răng mình cắn vào ngón tay của chị Y làm cho chị Y bị thâm tím ở hai mắt; ngoài ra bị cáo H còn dùng kéo bằng sắt cắt tóc của chị Y và cắt xé hết quần áo của chị Y đang mặc ở trên người. Khi chị Y đang ở trong trạng thái không mặc quần áo thì bị cáo N đã dùng điện thoại của mình chụp lại hình ảnh đó của chị Y rồi gửi qua hệ thống Messenger vào điện thoại

bị cáo H và một số người khác nữa, sau đó các bị cáo lại tiếp tục đánh chị Y và đe dọa chị Y, bắt chị Y phải trả số tiền mà chị Y còn nợ của anh C. Do sợ hãi các bị cáo đánh đập và làm nhục mình tiếp nên chị Y đã miễn cưỡng buộc phải nhắn tin cho bạn của mình là anh Mai Đức C (Tức C) để hỏi vay của anh C số tiền là 1.500.000 đồng để đưa cho các bị cáo và anh C đã nhờ anh Nguyễn Đăng P đem số tiền 1.500.000đ xuống cho chị Y vay. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, sau khi anh P đã đem số tiền 1.500.000đ xuống quán nước ở khu vực Phố S, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định cho chị Y thì bị cáo H đã nhờ anh Phạm Văn T điều khiển xe đạp điện chở bị cáo H và chị Y ra chỗ quán nước để lấy tiền và tại quán nước ở khu vực Phố S, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định anh P đã đưa cho chị Y số tiền 1.500.000 đồng. Sau khi nhận tiền chị Y đã đưa luôn số tiền 1.500.000 đồng cho bị cáo H thì lúc này bị cáo H mới cho chị Y đi về. Sau khi chiếm đoạt được số tiền 1.500.000 đồng của chị Y, bị cáo H đã một mình tiêu xài cá nhân hết sau đó bị cáo mới thông báo cho bị cáo N và anh C biết việc bị cáo đã lấy được của chị Y số tiền nêu trên.

Đối chiếu các hành vi mà các bị cáo H, N đã thực hiện nêu trên với những quy định của Bộ luật Hình sự hiện hành thì thấy các hành vi đó của các bị cáo đã cấu thành các tội “Làm nhục người khác” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Hình sự; tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự và tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố và luận tội đối với các bị cáo H, N về các tội “Làm nhục người khác” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Hình sự; tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự và tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và sự đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ nguy hiểm và hậu quả của hành vi phạm tội: Hành vi của các bị cáo H, N là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến nhân phẩm, danh dự và quyền tự do, dân chủ cũng như quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của chị Y và còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương; các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện việc phạm tội đến cùng. Do đó buộc các bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm hình sự về các hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện và thấy cần phải áp dụng loại hình phạt cũng như mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để cải tạo, giáo dục các bị cáo nói riêng đồng thời cũng là để răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4]. Về vị trí, vai trò của các bị cáo trong vụ án: Xét vụ án có tính chất đồng phạm, các bị cáo đều cố ý cùng thực hiện việc phạm tội nhưng lại không có sự bàn bạc, phân công gì từ trước và khi thực hiện tội phạm thì các bị cáo cũng không có sự cấu kết chặt chẽ với nhau. Vì vậy tính chất đồng phạm chỉ là giản đơn, trong đó bị cáo H là người khởi xướng và cũng là người trực tiếp tích cực thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo H giữ vai trò thứ nhất trong vụ án; bị cáo N cũng trực tiếp tích



cực thực hiện hành vi phạm tội nên đồng phạm với bị cáo H và giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

[5]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, trước lần phạm tội này các bị cáo đều chưa có vi phạm pháp luật gì.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và trong giai đoạn chuẩn bị xét xử đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại để khắc phục hậu quả; hoàn cảnh gia đình các bị cáo đều khó khăn được chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú xác nhận; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Nên các bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với cả 03 tội. Ngoài ra đối với tội “Làm nhục người khác” và tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” thì các bị cáo còn được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6]. Về đường lối xử lý hành vi phạm tội của các bị cáo:

- Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và động cơ, mục đích phạm tội của các bị cáo thì thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo và phải cách ly các bị cáo ra khỏi môi trường ngoài xã hội một thời gian nhất định thì mới có thể cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội được. Nhưng khi quyết định mức hình phạt đối với các bị cáo Hội đồng xét xử cũng xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội lần đầu, biết ăn năn hối cải. Đối với bị cáo N phạm tội với vai trò là đồng phạm trong vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với 02 tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và “Cướp tài sản”.

- Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử người bị hại đã nhận đủ số tiền bồi thường theo yêu cầu của mình và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm. Nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động Iphone 11 Promax, màu đen xanh, số Imel 353909108840047 thu giữ của bị cáo N và 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6, màu vàng đen, số Imel 355789070213177 thu giữ của bị cáo H. Xác định cả 02 chiếc điện thoại này đều là tài sản của các bị cáo và 02 chiếc điện thoại này đều có liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Nên tịch thu bán hóa giá để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 1.500.000 đồng thu giữ của bị cáo H. Xác định số tiền này là số tiền mà bị cáo H đã chiếm đoạt của chị Trần Thị Hải Y. Nên được trả lại cho chị Y.

- Đối với nhiều sợi tóc màu nâu đen được niêm phong trong 02 phong bì thư; 01 quần lót vải màu đỏ; 01 quần đùi vải bò màu xanh; 01 áo phông cộc tay vải màu trắng; 01 áo lót vải màu đen (Tất cả quần và áo đều bị rách). Xác định những đồ vật này là của chị Trần Thị Hải Y nhưng chị Y không có nhu cầu nhận lại. Nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 kéo bằng sắt có đầu nhọn, chuôi kéo bọc nhựa màu đỏ; 01 chổi gạt nước, có cán bằng ống sắt Inox, KT 124 cm x đường kính ống 2,5 cm, lưỡi chổi KT 56 cm x 5 cm. Xác định những đồ vật này là tài sản của chị Trần Thị N nhưng trong giai đoạn điều tra chị N đã có quan điểm không nhận lại các đồ vật này và các đồ vật này nay cũng không còn giá trị sử dụng. Nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 áo phông cộc tay vải màu vàng có chữ AHOKZAK (HugoBoss) và 01 quần đùi vải màu đen có chữ AHOKZAK (HugoBoss). Xác định những đồ vật này là của cháu Trần Đình T nhưng trong giai đoạn điều tra cháu T đã có quan điểm không nhận lại. Nên tịch thu tiêu hủy.

[9]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo H, N phải nộp theo quy định của pháp luật.

[10]. Đối với hành vi của chị Trần Thị D đã dùng tay, chân đánh chị Y và hành vi của bị cáo H đã dùng kéo cắt, xé làm hư hỏng quần áo của chị Y vào ngày 31-8-2020, cũng như hành vi của các bị cáo H, N đã dùng tay tát vào mặt chị Y vào ngày 26-8-2020. Xét thấy các hành vi này của chị D và các bị cáo H, N chưa đủ các yếu tố cấu thành tội phạm nên việc Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với chị D và các bị cáo về các hành vi này là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[11]. Đối với anh Vũ Văn C trong quá trình điều tra anh C khai ngày 25-6-2020 anh có vay 5.000.000đ của bạn là anh Trần Anh T. Sau đó anh đã cho chị Y vay lại số tiền 5.000.000đ mà anh đã vay của anh T, với lãi suất là 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Quá trình vay chị Y đã trả cho anh được tổng số tiền lãi là 2.250.000đ và còn nợ lại của anh 5.000.000đ tiền gốc. Số tiền gốc chị Y vay anh nhưng chị Y lại không trả cho anh mà chị Y lại trả cho anh T vào ngày 25-8-2020 nên anh vẫn bắt chị Y phải trả cho anh số tiền gốc đó và anh cũng không nhờ, không sai bảo các bị cáo H, N đi đòi chị Y số tiền gốc vay đó hộ cho anh. Khi anh được bị cáo H gọi xuống gặp chị Y để hỏi về việc chị Y nợ tiền của anh thì anh có xuống gặp chị Y. Do việc chị Y sai hẹn trả tiền nên anh bức tức có dùng dép nhựa tát vào mặt chị Y 01 cái nhưng không gây ra thương tích gì cho chị Y. Trong suốt quá trình các bị cáo H, N thực hiện hành vi phạm tội đối với chị Y các bị cáo không có thông báo và cũng không có bàn bạc gì với anh. Xét thấy hành vi cho vay lãi nặng nêu trên của anh C chưa đủ các yếu tố để cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”; còn đối với hành vi dùng dép nhựa tát vào mặt chị Y thì Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với anh C về hành vi này là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[12]. Đối với Trần Anh T quá trình điều tra anh T khai khoảng tháng 6-2020 anh có cho anh C vay số tiền là 5.000.000đ. Đến tháng 8-2020 do có việc cá nhân nên anh có gọi cho anh C để lấy lại số tiền anh C đã vay của mình thì anh C bảo anh T lấy từ chỗ chị Y và anh C có gửi số điện thoại + tài khoản Facebook của chị Y cho anh T để anh T liên lạc với chị Y. Sau đó anh T đã liên lạc trực tiếp với chị Y và anh đã lấy số tiền 5.000.000đ từ chị Y. Tuy nhiên trong quá trình làm việc với anh C thì anh C khai anh T không gọi điện đòi tiền anh C và anh C cũng không bảo anh T lấy số tiền mà anh C vay của anh T từ chỗ chị Y. Trong giai đoạn điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã nhiều lần triệu tập anh T và anh C để tiến hành đối chất về các nội dung mà anh T và anh C khai có sự mâu thuẫn với nhau như đã nêu trên nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do và Cơ quan điều tra cũng không xác định được hiện anh T đang làm gì, ở đâu. Nên Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã tách hồ sơ để tiếp tục xác minh làm rõ sau là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[13]. Đối với ông Ngô Minh K là người được bị cáo N ủy quyền để giải quyết việc bồi thường trong vụ án và ông K đã tự nguyện bỏ ra số tiền 15.000.000đ của mình để bồi thường cho chị Y. Nhưng trong suốt quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án ông K đều không yêu cầu Tòa án phải xem xét giải quyết về số tiền đó và ông còn đề nghị Tòa án không đưa ông vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Đối với chị Trần Thị N và cháu Trần Đình T là chủ sở hữu của một số đồ vật, tài sản là vật chứng của vụ án mà Cơ quan điều tra đã thu giữ. Nhưng trong giai đoạn điều tra chị N và cháu T đã có quan điểm không nhận lại các đồ vật, tài sản đó và cũng không có yêu cầu, đề nghị gì về việc bồi thường. Nên Hội đồng xét xử không đưa ông K, chị N và cháu T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 155; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Lương Thị Thanh H phạm tội “Làm nhục người khác”. Xử phạt bị cáo Lương Thị Thanh H 03 (Ba) tháng tù.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Lương Thị Thanh H phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Xử phạt bị cáo Lương Thị Thanh H 06 (Sáu) tháng tù.

3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Lương Thị Thanh H phạm tội “Cướp tài sản”. Xử phạt bị cáo Lương Thị Thanh H 36 (Ba mươi sáu) tháng tù.

4. Căn cứ vào Điều 55 của Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt của cả 03 tội. Buộc bị cáo Lương Thị Thanh H phải chấp hành hình phạt chung của cả 03 tội là 45 (Bốn mươi lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo Lương Thị Thanh H đi chấp hành án.

5. Căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 155; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị Tuyết N

phạm tội “Làm nhục người khác”. Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Tuyết N 03 (Ba) tháng tù.

6. Căn cứ vào khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị Tuyết N phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Tuyết N 03 (Ba) tháng tù.

7. Căn cứ vào khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị Tuyết N phạm tội “Cướp tài sản”. Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Tuyết N 30 (Ba mươi) tháng tù.

8. Căn cứ vào Điều 55 của Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt của cả 03 tội. Buộc bị cáo Hoàng Thị Tuyết N phải chấp hành hình phạt chung của cả 03 tội là 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17 tháng 9 năm 2020.

9. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu bán hóa giá để sung vào ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động Iphone 11 Promax, màu đen xanh, số Imel 353909108840047, điện thoại đã qua sử dụng và 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6, màu vàng đen, số Imel 355789070213177, màn hình đã bị vỡ lộ camera, điện thoại đã qua sử dụng.

- Tịch thu tiêu hủy: 02 phong bì niêm phong tóc, có chữ ký cùng họ và tên của Trần Văn H - Trưởng công an xã L, Vũ Công D - Điều tra viên, Trần Văn D - Người làm chứng; 01 quần lót vải màu đỏ bị rách; 01 quần đùi vải bò màu xanh bị rách; 01 áo phông cộc tay vải màu trắng bị rách; 01 áo lót vải màu đen bị rách; 01 kéo bằng sắt có đầu nhọn, chuôi kéo bọc nhựa màu đỏ; 01 chổi gạt nước có cán bằng ống sắt Inox, KT 124 cm x đường kính ống 2,5 cm, lưỡi chổi KT 56 cm x 5 cm, chổi đã qua sử dụng; 01 áo phông cộc tay vải màu vàng có chữ AHOKZAK (HugoBoss) và 01 quần đùi vải màu đen có chữ AHOKZAK (HugoBoss).

- Trả lại cho chị Trần Thị Hải Y số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

(Vật chứng đang được quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Nam Định và có đặc điểm, chủng loại như trong Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 05-01-2021 giữa cơ quan Công an huyện V và Chi cục Thi hành án dân sự huyện V).

10. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Lương Thị Thanh H, Hoàng Thị Tuyết N mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

11. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Lương Thị Thanh H, Hoàng Thị Tuyết N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú cuối cùng của người vắng mặt.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Bị cáo;
- Bị hại;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Công an huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- UBND xã H;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Văn Quân**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Văn Quân**



